

Số: 16/2025/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 14 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật, dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Tờ trình số 5993/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật, dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh số 97/BC-BKTNS ngày 13 tháng 11 năm 2025; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật, dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật, dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 9/2025/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; Nghị định số 116/2025/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật và khoản 5, Điều 18 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi là cơ sở sản xuất), doanh nghiệp nhỏ và vừa (không bao gồm doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân) có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật, dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất

a. Đối với thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật: Mức hỗ trợ chi tiết tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b. Đối với thiệt hại do dịch bệnh động vật: Mức hỗ trợ chi tiết tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Căn cứ vào mức độ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh của doanh nghiệp và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tỷ lệ % hỗ trợ theo mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật

1. Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 500.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

2. Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được phân công, huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 300.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện chính sách cho ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này; 100% kinh phí hỗ trợ cho lực lượng cấp tỉnh tham gia khắc phục dịch bệnh động vật và kinh phí hỗ trợ cho Doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

2. Ngân sách cấp xã đảm bảo 20% kinh phí hỗ trợ còn lại tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này; 100% kinh phí hỗ trợ cho lực lượng cấp xã tham gia khắc phục dịch bệnh động vật tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này. Nếu kinh phí hỗ trợ của ngân sách cấp xã vượt quá 50% nguồn lực dự phòng đã được giao, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổng hợp, báo cáo Sở Tài chính xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí bổ sung để có đủ kinh phí thực hiện.

3. Trường hợp tổng kinh phí hỗ trợ thiệt hại và hỗ trợ cho người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật trong năm dưới 200 triệu đồng/năm thì Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động sử dụng ngân sách để thực hiện.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý Nhà nước hiện hành.
2. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật, hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật (không bao gồm đối tượng hỗ trợ là doanh nghiệp nhỏ và vừa) xảy ra từ ngày Nghị định số 116/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.

2. Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai (không bao gồm đối tượng hỗ trợ là doanh nghiệp nhỏ và vừa) xảy ra từ ngày Nghị định số 9/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 9/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XV, kỳ họp thứ Hai mươi hai thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị - Nhà khách tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT tổng hợp Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Phương

Phụ lục I
MỨC HỖ TRỢ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI THỰC VẬT
(kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Mức hỗ trợ (đồng)
I	CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI THỰC VẬT		
1	Diện tích lúa		
a)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	6.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	3.000.000
b)	Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	8.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	4.000.000
c)	Sau gieo trồng trên 45 ngày		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	10.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	5.000.000
2	Diện tích mạ		
a)	Thiệt hại >70% diện tích	ha	30.000.000
b)	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	15.000.000
3	Diện tích cây hàng năm khác		
a)	Giai đoạn cây con (từ gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	6.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	3.000.000
b)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	10.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	5.000.000
c)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		

STT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Mức hỗ trợ (đồng)
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	15.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	7.500.000
4	Diện tích cây trồng lâu năm		
a)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	12.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	6.000.000
b)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất nhưng cây không chết		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	20.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	10.000.000
c)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	30.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	15.000.000
d)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	60.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	30.000.000
II	LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI THỰC VẬT		
1	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	8.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	4.000.000
2	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	15.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	7.500.000

STT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Mức hỗ trợ (đồng)
3	Diện tích vườn giống, rừng giống		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	20.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	10.000.000
4	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		
a)	Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	40.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	20.000.000
b)	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
-	Thiệt hại >70% diện tích	ha	60.000.000
-	Thiệt hại từ 30 - 70% diện tích	ha	30.000.000
III	THỦY SẢN BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI (bao gồm nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản)		
1	Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (hồ)	ha	60.000.000
2	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè	100 m ³	30.000.000
3	Nuôi thủy sản hình thức khác	ha	15.000.000
IV	VẬT NUÔI BỊ THIẾT HẠI (CHẾT, MẤT TÍCH) DO THIÊN TAI		
1	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu)		
-	Đến 28 ngày tuổi	con	22.500
-	Trên 28 ngày tuổi	con	38.000
2	Chim cút		
-	Đến 28 ngày tuổi	con	4.000
-	Trên 28 ngày tuổi	con	8.000
3	Lợn		

STT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Mức hỗ trợ (đồng)
-	Đến 28 ngày tuổi	con	550.000
-	Trên 28 ngày tuổi đến 70 ngày tuổi	con	800.000
-	Trên 70 ngày tuổi	con	1.055.000
-	Lợn nái, lợn đực đang khai thác	con	3.000.000
4	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	con	3.000.000
5	Bò sữa		
-	Trên 6 tháng tuổi đến 12 tháng tuổi	con	4.100.000
-	Trên 12 tháng tuổi	con	8.050.000
6	Trâu, bò thịt, ngựa		
-	Đến 6 tháng tuổi	con	2.250.000
-	Trên 6 tháng tuổi đến 12 tháng tuổi	con	3.100.000
-	Trên 12 tháng tuổi	con	5.050.000
7	Hươu sao, đà điểu, cừu	con	1.750.000
8	Dê		
-	Đến 6 tháng tuổi	con	1.000.000
-	Trên 6 tháng tuổi	con	1.750.000
9	Thỏ		
-	Đến 28 ngày tuổi	con	40.000
-	Trên 28 ngày tuổi	con	60.000
10	Ong mật (đàn)	đàn	400.000

(Ghi chú: Đơn vị tính (ĐVT) áp theo Nghị định số 9/2025/NĐ-CP)

Phụ lục II
MỨC HỖ TRỢ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Mức hỗ trợ (đồng)
I	VẬT NUÔI BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH		
1	Trâu, bò, ngựa, dê	kg hơi	50.000
2	Cừu, hươu sao	kg hơi	55.000
3	Lợn	kg hơi	40.000
4	Gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu	kg hơi	35.000
5	Chim cút	kg hơi	20.000
6	Đà điểu	kg hơi	50.000
7	Trứng gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cút, đà điểu)	kg	20.000
II	ĐỘNG VẬT THỦY SẢN BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH		
1	Cá giống (cá truyền thống, cá rô phi, cá nước lạnh)	kg	10.000
2	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa	ha	10.000.000
3	Diện tích nuôi cá tra thâm canh	ha	50.000.000
4	Diện tích nuôi cá rô phi thâm canh	ha	30.000.000
5	Cá nước lạnh (tầm, hồi) nuôi thâm canh	kg	20.000
6	Thủy sản nước ngọt nuôi lồng, bè	kg	5.000

(Ghi chú: Đơn vị tính (ĐVT) áp theo Nghị định số 116/2025/NĐ-CP)